

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/LĐ-ST  
Ngày: 19 – 4 – 2024  
V/v tranh chấp Bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Công – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Phạm Thị Thu Yên – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Tân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Công – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 163/2023/TLST-LĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp Bảo hiểm xã hội”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXX-LĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐ-LĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1981; trú tại: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH P; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Ông Nguyễn Văn B làm việc tại Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty P) từ năm 2012 và có giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, vị trí công việc là công nhân may. Mức lương giao kết hợp đồng là 5.725.000đồng/tháng.

Trong quá trình làm việc tại công ty thì công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn B theo đúng quy định. Tuy nhiên, từ tháng 11/2022, mặc dù công ty vẫn thu tiền đóng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn B với số tiền 601.125 đồng/tháng (tương đương mức lương 5.725.000đồng) nhưng Công ty P không đóng tiền đó cho cơ quan Bảo hiểm xã hội để ông Nguyễn Văn B được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Sau nhiều lần thắc mắc đến công ty nhưng vẫn không được giải quyết nên ông Nguyễn Văn B đã gửi đơn đến Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội để tiến hành hòa giải nhưng công ty vẫn không thực hiện. Đến ngày 08/9/2023, ông Nguyễn Văn B được công ty cho nghỉ việc theo yêu cầu, công ty đã giao trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn B. Sau khi nghỉ việc, ông Nguyễn Văn B thực hiện các thủ tục để hưởng chế độ theo quy định nhưng không thực hiện được do Công ty còn nợ tiền bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn B tại cơ quan bảo hiểm.

Do đó, ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc Công ty TNHH P phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn B từ tháng 11/2022 đến tháng 8/2023 với mức 820.680 đồng/tháng.

2. Buộc Công ty TNHH P phải bồi thường tiền hưởng bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Văn B số tiền 37.785.000 đồng tương đương với thời gian 11 tháng x 60% x 5.725.000đồng.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Công ty P phải bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp số tiền 56.275.200 đồng. Giữ nguyên yêu cầu về việc buộc công ty đóng bảo hiểm xã hội.

*Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện:* Bản photo biên bản hoà giải, sổ Bảo hiểm xã hội, quyết định nghỉ việc; Bản chứng thực căn cước công dân của nguyên đơn.

*Ý kiến của Đại diện Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương:*

Bảo hiểm xã hội thành phố T chưa thực hiện chốt sổ đối với mã số BHXH 7412193803 của ông Nguyễn Văn B do đơn vị đóng bảo hiểm nợ. Đơn vị đóng bảo hiểm đã thanh toán tiền bảo hiểm đến tháng 10/2022, số nợ tạm tính của ông Nguyễn Văn B là 15.870.506 đồng.

*Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn không đến làm việc cũng như không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**Tại phiên tòa,** đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền,

nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải đóng tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu và thực hiện thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn B theo đúng quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH P có trụ sở tại: Khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đóng tiền bảo hiểm xã hội còn nợ. Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 32; điểm c, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp về bảo hiểm xã hội” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quá trình tố tụng, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần buộc bị đơn phải bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3] Quá trình tố tụng, nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng lao động được ký kết giữa nguyên đơn với Công ty P, tuy nhiên, căn cứ vào Sổ bảo hiểm xã hội, biên bản hòa giải tranh chấp lao động và Quyết định Nghỉ việc cho thấy nguyên đơn đã làm việc tại Công ty P từ năm 2007 và được Công ty P đóng Bảo hiểm đến tháng 10/2022. Công ty P không cung cấp chứng cứ nào khác. Do đó, có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn B là công nhân làm việc tại Công ty P có ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định và có hiệu lực pháp luật.

Đến ngày 08/9/2023, ông Nguyễn Văn B chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty P. Việc chấm dứt hợp đồng lao động là tự nguyện, tuy nhiên Công ty P không thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm và nộp tiền bảo hiểm xã hội vào cơ quan bảo hiểm theo quy định gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nguyễn Văn B.

[4] Xét yêu cầu về việc buộc bị đơn phải đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn xét thấy:

[4.1] Theo các chứng cứ của Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An cung cấp thì hiện nay Bảo hiểm xã hội chưa thực hiện chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn Bdo Công ty P còn nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động ông Nguyễn Văn B từ tháng 11/2022 cho đến thời điểm hiện tại.

[4.2] Căn cứ theo quy định của pháp luật thì hàng tháng Công ty P đã thu quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của ông Nguyễn Văn Bnhung không nộp cho Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định. Như vậy Công ty P đã vi phạm Điều 17, Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập, yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để Công ty P có mặt và cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của người lao động nhưng Công ty đều vắng mặt. Do đó, Công ty phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[4.3] Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của ông Nguyễn Văn B nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn B đối với Công ty P về việc buộc Công ty P phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn B từ tháng 11/2022 đến tháng 8/2023 và thực hiện các thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn B theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Điều d, Khoản 1, Điều 32; Điều c, Khoản 1, Điều 35; Điều a, Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 16, 17, 24 và 168 Bộ Luật lao động năm 2019;

Các Điều 18 và 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” đối với Công ty TNHH P.

Buộc Công ty TNHH P phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội gồm (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) vào quỹ Bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An cho ông Nguyễn Văn B từ tháng 11/2022 đến tháng 8/2023 và thực hiện các thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn B theo đúng quy định của pháp luật.

2. Mức đóng và số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mà Công ty TNHH P phải đóng vào Quỹ bảo hiểm được áp dụng và tính

theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bvề việc: Buộc Công ty TNHH P phải bồi thường tiền hưởng bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Văn Bsố tiền 37.785.000 đồng tương đương với thời gian 11 tháng x 60% x 5.725.000đồng.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Thu**